

Số: 61 /QĐ-BĐDHĐQT

Bình Định, ngày 23 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu kế hoạch cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh năm 2025 cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội các huyện, thị xã, thành phố

TRƯỞNG BAN ĐẠI DIỆN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI TỈNH BÌNH ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 86/QĐ-NHCS ngày 10/01/2014 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội quy định về xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch tín dụng trong hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội;

Căn cứ Quyết định số 56/2017/QĐ-UBND ngày 28/9/2017 của UBND tỉnh Bình Định về việc Ban hành Quy chế trích lập, quản lý và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 29/2022/QĐ-UBND ngày 15/6/2022 của UBND tỉnh Bình Định về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 56/2017/QĐ-UBND;

Theo đề nghị của Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Bình Định tại Tờ trình số 545/TTr-NHCSBD ngày 18/4/2025 (kèm theo ý kiến của Sở Tài chính tại Công văn số 978/STC-TCHCSN ngày 16/4/2025).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu kế hoạch cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác từ nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh năm 2025 cho Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội các huyện, thị xã, thành phố theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Giao Giám đốc Chi nhánh NHCSXH tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội các huyện, thị xã, thành phố báo cáo UBND các huyện và trình Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các huyện, thị xã, thành phố phân bổ, điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch tín dụng năm 2025 tại Quyết định này cho các đơn vị trực thuộc để triển khai thực hiện theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 20/QĐ-BĐDHĐQT ngày 24/02/2025 và Quyết định số 40/QĐ-BĐDHĐQT ngày 18/3/2025 của Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH tỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh; Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các huyện, thị xã, thành phố; Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT Lâm Hải Giang;
- Sở Tài chính;
- Các TV BĐDHĐQT NHCSXH tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, K20.

Su

**TM. BDD HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TRƯỞNG BAN**



**PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH
Lâm Hải Giang**

PHỤ LỤC

Điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu kế hoạch cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác từ nguồn ngân sách tỉnh ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh năm 2025 cho Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội các huyện, thị xã, thành phố
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐDHĐQT ngày /4/2025 của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Tổng cộng	Quy Nhơn	Tuy Phước	Vân Canh	An Nhơn	Tây Sơn	Vĩnh Thạnh	Phù Cát	Phù Mỹ	Hoài Ân	Hoài Nhơn	An Lão
I	Kế hoạch dư nợ năm 2025 đã thông báo	699.502,4	80.022,3	57.900,0	44.783,0	90.610,0	67.058,0	36.801,0	66.510,0	58.110,1	88.192,0	69.161,0	40.355,0
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm (Nghị định 61/2015/NĐ-CP)	629.085,8	66.894,7	57.190,0	32.304,0	90.370,0	62.078,0	28.401,0	63.510,0	54.210,1	78.592,0	69.161,0	26.375,0
2	Cho vay hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Quyết định số 07/2025/QĐ-UBND	56.029,0	40,0	310,0	12.479,0	240,0	4.980,0	8.400,0	3.000,0	3.000,0	9.600,0		13.980,0
3	Cho vay mua, thuê mua nhà ở xã hội; xây mới, cải tạo hoặc sửa chữa nhà để ở	14.387,6	13.087,6	400,0	-	-	-	-	-	900,0	-	-	-
II	Kế hoạch tín dụng dư nợ năm 2025	706.599,0	77.022,3	58.900,0	44.703,0	91.610,0	66.348,0	37.501,0	69.200,0	59.906,7	89.692,0	70.161,0	41.555,0
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm (Nghị định 61/2015/NĐ-CP)	639.284,4	66.894,7	58.190,0	33.004,0	91.370,0	63.078,0	29.101,0	65.010,0	55.308,7	80.092,0	70.161,0	27.075,0
2	Cho vay hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Quyết định số 07/2025/QĐ-UBND	56.029,0	40,0	310,0	11.699,0	240,0	3.270,0	8.400,0	4.190,0	3.800,0	9.600,0	-	14.480,0
3	Cho vay mua, thuê mua nhà ở xã hội; xây mới, cải tạo hoặc sửa chữa nhà để ở	11.285,6	10.087,6	400,0	-	-	-	-	-	798,0	-	-	-
III	Tăng, giảm so kế hoạch đã thông báo	7.096,6	-3.000,0	1.000,0	-80,0	1.000,0	-710,0	700,0	2.690,0	1.796,6	1.500,0	1.000,0	1.200,0
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm (Nghị định 61/2015/NĐ-CP)	10.198,6	-	1.000,0	700,0	1.000,0	1.000,0	700,0	1.500,0	1.098,6	1.500,0	1.000,0	700,0
2	Cho vay hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Quyết định số 07/2025/QĐ-UBND	-	-	-	-780,0	-	-1.710,0	-	1.190,0	800,0	-	-	500,0
3	Cho vay mua, thuê mua nhà ở xã hội; xây mới, cải tạo hoặc sửa chữa nhà để ở	-3.102,0	-3.000,0	-	-	-	-	-	-	-102,0	-	-	-